

Diễn ngôn và quyền lực của sinh viên cội nguồn: (Nghiên cứu trường hợp ở lớp học tiếng Việt tại Đại học Quốc gia Australia)

Thái Duy Bảo¹, Đinh Kiều Châu^{*2}

¹*Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, Đại học Quốc gia Australia (Canberra)*

²*Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*

Nhận ngày 10 tháng 02 năm 2012

Tóm tắt: Bài này thuộc địa hạt Giáo dục ngôn ngữ trong Ngôn ngữ học ứng dụng. Tác giả đề cập đến diễn ngôn và quyền lực của sinh viên cội nguồn qua nghiên cứu trường hợp sinh viên ở một lớp học tiếng Việt tại Đại học Quốc gia Úc. Các nội dung cụ thể là:

1. Cơ sở lý thuyết
2. Kết quả nghiên cứu trường hợp
3. Bàn luận

1. Dẫn nhập

Ngày nay, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và ngôn ngữ thứ hai hiện đại đã chuyển đổi từ lối giảng dạy dựa vào ý định chủ quan của người thầy (teacher-centered instruction) sang hướng truyền giảng lấy người học làm trung tâm (learner-centered approach) với sự chú trọng đến mục đích, nhu cầu và các bình diện thủ đắc của người học [7]. Theo đó, mọi hoạt động giao tiếp mang nghĩa tại lớp học được nhìn nhận lại theo chiều hướng động hơn là tĩnh.

Trong nhận thức của nhiều người, trong giao tiếp lớp học thì quyền lực sư phạm luôn là vấn đề cần quan tâm và ý niệm về quyền lực này, theo nhiều nhà sư phạm phải được cả người dạy và người học cùng nhận thức, chia sẻ đầy đủ để giao tiếp lớp học diễn ra một cách hiệu quả.

Là thành tố trong chương trình Cử nhân về Châu Á học, tiếng Việt là ngôn ngữ được giảng dạy tại ĐHQG Úc (ANU) hơn 30 năm qua và thu hút nhiều đối tượng sinh viên tham gia vào chương trình. Xét về thành phần ghi danh, bên cạnh các sinh viên có nguồn gốc Châu Âu và Châu Á, còn có một số lượng không nhỏ các sinh viên cội nguồn là người gốc Việt thuộc nhiều thế hệ di dân. Đây là một trong những nhóm sinh viên có nét đặc thù rõ rệt, có động cơ học tập nổi trội và góp phần tích cực trong việc giảng dạy và học tập ngôn ngữ này.

Nghiên cứu này đặt vấn đề xem xét phương thức sử dụng quyền lực tại chỗ (local power) của người thầy, cách thức chia sẻ quyền lực của sinh viên có nguồn gốc Việt trong lớp học tiếng cũng như sự tham gia của họ tác động phần nào đến cấu trúc của diễn ngôn lớp học. Với nghiên cứu này chúng tôi muốn nhận diện sự khác biệt có tính bản sắc của họ trên một khía cạnh thể hiện (quyền lực), nhằm qua đó có những bàn luận mang tính giải pháp trong thực hành giảng dạy.

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-912359533.
E-mail: dinhkieuchau@gmail.com

2. Lí luận và phương pháp nghiên cứu

- Diễn ngôn và quan hệ quyền lực

Diễn ngôn là một khái niệm tương đối mới trong quá trình nghiên cứu ngôn ngữ gắn với đường hướng chức năng. Khác với cách nhìn truyền thống nhấn mạnh đến việc coi ngôn ngữ là một hệ thống cấu trúc (độc lập), diễn ngôn ở đây được hiểu như là ngôn ngữ trong sử dụng nhằm mục đích giao tiếp với những quy tắc đặc trưng trong tổ chức ngôn từ [4]. Cách hiểu đó về diễn ngôn đã mở ra những cơ hội tiếp cận đa chiều đối với ngôn ngữ trong sự hành chức đồng thời giúp cho việc vận hành nó (hệ thống kí hiệu này) được hiệu quả hơn.

Các nhà nghiên cứu thiên chức năng có quan niệm rất rõ ràng về nội dung trên khi đặt vấn đề nghiên cứu diễn ngôn trong mối liên hệ với các điều kiện của bối cảnh giao tiếp và văn hoá. Đặc điểm cấu trúc và chức năng của diễn ngôn sẽ chịu sự chi phối sâu sắc của những yếu tố như mối quan hệ liên nhân giữa người phát và người nhận với những đặc trưng về bản sắc như vai giao tiếp, vị thế giao tiếp, vật quy chiếu, không gian, thời gian, các định chế văn hoá xã hội... [4]. Nói cách khác, với diễn ngôn những yếu tố xã hội luôn được coi trọng như là những lực tương tác tác động vào toàn bộ quá trình mã hóa và giải mã ngôn ngữ trong sử dụng.

Thực tế cho thấy qua khảo sát diễn ngôn, vấn đề quyền lực đã nổi lên như một nhân tố quan trọng, một giá trị văn hóa góp phần quyết định đến tính chất và chất lượng của diễn ngôn trong giao tiếp.

Quyền lực không phải là một khái niệm đặc quyền của diễn ngôn mà là một khái niệm có tính xã hội. Trong cách hiểu chung nhất, quyền lực được nhận định như là "... khả năng hay năng lực gây ảnh hưởng lên thái độ, niềm tin hoặc hành vi của một cá nhân hoặc một nhóm đối tượng khác, làm họ có những thay đổi" [6]. Dựa trên cơ sở xã hội người ta có thể chia quyền lực thành các loại sau: Bắt buộc (Coervince), Tham chiếu/Nhận thức (Referent), Chính đáng/Hợp pháp (Legitimate), Tôn trọng (Reward), Năng lực/Chuyên nghiệp (Expert)

[6]. Sau này Thông tin (Information) được bổ sung thêm vào danh sách trên như một sự hoàn chỉnh, phù hợp với thực tế xã hội.

Nếu nhìn vào cách phân loại như trên ta thấy một thể hiện rất rõ về quyền lực trong giao tiếp; đó là sự bao hàm hai khía cạnh: tương tác và khống chế. Quyền lực được xác lập trên cơ sở vai xã hội, vị thế của chủ thể giao tiếp cũng như các chế ước xã hội liên quan đến giá trị. Đứng từ góc độ ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp, người ta đã nhận ra quyền lực xã hội có những ảnh hưởng nhất định đến diễn ngôn khi ngôn ngữ có khả năng phản ánh quyền lực cũng như những phụ thuộc khác nhau của người sử dụng ngôn ngữ vào một định chế, một tổ chức, một hệ thống văn hóa hay tri thức cộng đồng. Trong tương tác, quyền lực được tạo ra trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Người tạo lập diễn ngôn và người diễn giải diễn ngôn đều có thể sử dụng nó (diễn ngôn) để duy trì hay tái sinh quyền lực của mình. Mặt khác, trong quan hệ với diễn ngôn, quyền lực đóng vai trò như một thiết chế, kỉ cương góp phần tạo ra một cuộc chơi với những quy tắc nhất định chi phối mọi cấp độ bề mặt của diễn ngôn (ngữ năng) cũng như sự ngầm ẩn giữa các đối tác tạo diễn ngôn.

- Diễn ngôn sư phạm và quyền lực sư phạm

Thuật ngữ diễn ngôn sư phạm (pedagogic discourse) được Bernstein sử dụng để chỉ các thực tế xã hội liên quan đến các hoạt động giáo dục nói chung và vượt ra khỏi cái quan niệm truyền thống của diễn ngôn lớp học. Khuynh hướng nổi bật của diễn ngôn sư phạm nói chung là lấy diễn ngôn của các bối cảnh khác "ngoài học đường" vào trong bối cảnh học đường vì mục tiêu giảng dạy và học tập. Để hiểu được tính chất đầy đủ của diễn ngôn sư phạm thì phải xét đến các chuỗi hoạt động, trật tự của quá trình truyền tải và xây dựng tri thức lẫn các mối quan hệ chung cần phải được lượng để việc truyền tải và xây dựng được diễn ra.

Nói đến diễn ngôn sư phạm là chúng ta đề cập đến diễn ngôn trên phương diện thể loại với những đặc điểm nổi bật về cấu trúc, cơ chế vận hành và chức năng riêng trong đời sống xã hội.

Ở đây, diễn ngôn sư phạm được coi là ngôn ngữ sử dụng trong lớp học gắn với nhiều yếu tố khác nhau có tính đặc thù như: mục đích, bối cảnh, nội dung, chủ thể giao tiếp... Bản sắc của diễn ngôn sư phạm được thể hiện rõ trong quá trình dạy-học, chịu sự chi phối từ những vai trò xã hội, tâm lý của người dạy (người truyền thụ), người học (người thụ đắc) cũng như quyền lực giao tiếp giữa các bên.

Diễn ngôn sư phạm có mục đích là tạo ra những sự cải thiện hoặc nâng cao về tri thức thông qua vai xã hội (thầy, trò) bằng cách chia sẻ, hoặc áp đặt tri thức (thầy) và chiếm lĩnh tri thức (trò). Bản chất của diễn ngôn sư phạm về mặt chức năng là có tính giao dịch, dựa trên sự trao đổi thông tin, trong một không gian xác định (lớp học) và một giới hạn nhất định về thời gian tương tác (giờ học). Diễn ngôn sư phạm thường tồn tại dưới dạng nói – hội thoại với các cặp thoại trao-đáp (thầy-trò). Như vậy tính tương tác ở đây là mạnh, liên quan đến những yếu tố như lượt lời với ngôn từ mang tính đánh giá, nhận xét... Khác với thể loại diễn ngôn viết, để đạt được hiệu quả giao tiếp người viết thường dùng lí lẽ và lập luận, tập trung vào chủ đề nhất định, diễn ngôn nói trong lớp học tự do hơn. Theo quan niệm chung của xã hội, lớp học là nơi có những quy định chuẩn mực cao trong giao tiếp ứng xử trên cả phương diện hành động lẫn ngôn từ (một cách chính thức và bất thành văn), có sự phân biệt rõ về vị thế và đẳng cấp của các vai giao tiếp (khoảng cách thầy - trò). Như vậy diễn ngôn sư phạm chịu sự chi phối của quyền lực thể diện, định kiến xã hội, quan hệ tương thân giữa người dạy và người học.

Quyền lực sư phạm là một vấn đề được nghiêm túc đặt ra gắn với những đổi mới về nhận thức và phương pháp giảng dạy trong giáo dục. Thuộc tính cơ bản của loại quyền lực này cũng mang những đặc trưng chung của quyền lực đã nêu trên nhưng cũng có những khác biệt. Trên một khía cạnh nào đấy chúng ta thấy quan hệ quyền lực được xác lập nhờ khả năng tạo ra tri thức, quyết định tri thức. Trong xã hội hiện đại có sự đấu tranh giành quyền về “lí giải” tri thức. Điều này trong môi trường sư phạm càng

được thể hiện rõ ràng. Trước đây thường tồn tại quan niệm cho rằng không có sự cân bằng về quyền lực giữa người dạy và người học (Trong lớp người thầy giữ vị trí trung tâm). “Quyền lực phản ánh năng lực của giáo viên trong sự ảnh hưởng đối với người học” [6]. Sở dĩ có quan niệm như vậy vì họ cho rằng giáo viên là người chủ động nắm quyền về thông tin, có vai xã hội hợp pháp quyết định hướng tương tác. Ở lớp học, người học ít có cơ hội bình đẳng khi tri thức được truyền đi hơn là được kiểm chứng. Điều này còn được thể hiện rõ ràng bằng sự không tương xứng giữa giáo viên và học sinh trong việc đưa ra đề tài, sự luân phiên lượt lời... (Ví dụ giáo viên đặt ra một câu hỏi mà mình đã biết sẵn đáp án, người học được yêu cầu trả lời còn giáo viên sẽ giành quyền đánh giá một cách chính đáng).

Quan niệm trên trở nên không hợp lí khi nó thiếu vắng yếu tố tương tác mà chỉ tập trung đến sự khống chế trong quyền lực. Mặt khác quan điểm dân chủ trong giáo dục như là sự thay đổi về chế ước, giá trị đã có những tác động nhất định lên nhận thức của người học [8]. Người học đã ý thức được vị trí trung tâm của mình và muốn hướng đến sự đồng trí tuệ thay vì chấp nhận sự thụ động trong tiếp nhận tri thức.

- Sự thể hiện quyền lực của người học trong diễn ngôn sư phạm:

Như trên đã đề cập, quyền lực có vai trò nhất định trong diễn ngôn liên quan đến các yếu tố bề mặt cũng như ngầm ẩn. Nó chi phối đến các lực tương tác cũng như chất lượng của diễn ngôn.

Diễn ngôn sư phạm xuất hiện trong bối cảnh lớp học, có sự tương tác giữa chủ thể giao tiếp là người dạy và người học theo những định hướng, nhu cầu giao tiếp đặc thù. Trên cương vị người thụ đắc (tri thức), chúng ta có thể thấy quyền lực của người học trong diễn ngôn sư phạm được bộc lộ thông qua các yếu tố như:

- Mức độ nhận thức về quyền lực
- Thái độ, niềm tin trong giao tiếp
- Khả năng ngôn ngữ

- Chiến lược giao tiếp

- *Phương pháp nghiên cứu*

Đây là một nghiên cứu trường hợp về dạy ngôn ngữ (tiếng Việt) tập trung vào sự thể hiện quyền lực của nhóm đối tượng đích là sinh viên cội nguồn (sinh viên gốc Việt, chủ yếu là di dân thế hệ sau) trong quan hệ tương tác sư phạm với giáo viên và nhóm sinh viên khác (sinh viên phi cội nguồn).

Nghiên cứu được thực hiện trên quy mô nhóm gồm 14 sinh viên đa chủng tộc trong đó có 6 sinh viên cội nguồn hiện đang theo học tiếng Việt tại Trường đại học ANU - Australia.

Nghiên cứu này tập trung vào các mô tả, phân tích có tính ngữ dụng theo định hướng định tính kết hợp định lượng.

Các phương pháp nghiên cứu nhân học được áp dụng bao gồm: quan sát tại chỗ, ghi chép, trải nghiệm thực tế (trong vai trò người dạy), điều tra (qua bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Những cơ sở xã hội của sinh viên cội nguồn tiếng Việt trong quan hệ với quyền lực giao tiếp tại lớp học tiếng Việt

Chịu ảnh hưởng sâu sắc của quan điểm dân chủ trong giáo dục hiện đại các sinh viên đa chủng tộc trong lớp học tiếng Việt tại ANU nói chung đã thể hiện sự hợp tác tích cực và chủ động trong học tập, trong tương tác giữa giáo viên - sinh viên cũng như sinh viên - sinh viên.

Tuy nhiên trong bối cảnh đó, nhóm sinh viên cội nguồn tiếng Việt vẫn thể hiện rõ nét bản sắc của mình thông qua việc bảo vệ quyền lực giao tiếp của họ, với giáo viên và nhóm sinh viên khác trong lớp học. Những yếu tố có tính nền tảng cơ bản tác động lên ứng xử của sinh viên cội nguồn có thể kể đến là:

a) Mặc dù xuất thân từ gia đình nhập cư gốc Việt với truyền thống văn hóa Á Đông nhưng phần lớn các sinh viên cội nguồn này đều được sinh ra hoặc lớn lên tại Australia, có sự tiếp xúc

lâu dài và quen thuộc với định hướng dân chủ trong xã hội cũng như hệ thống giáo dục kiểu phương Tây (định hướng lấy người học làm trung tâm, việc thể hiện tính cá nhân trong lớp học được đề cao). Một cách tự nhiên, họ đã có nhận thức nhất định về quyền lực, quyền lực của người học cũng như sự chia sẻ quyền lực với giáo viên trong lớp.

b) Do có sự liên hệ với ngôn ngữ cội nguồn từ gia đình, cơ hội tiếp xúc với cộng đồng nói ngôn ngữ cội nguồn... nên các sinh viên này thường có một tiềm năng nhất định về ngôn ngữ cũng như các kiến thức về văn hoá cội nguồn. (Kết quả bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp cho thấy 100% sinh viên cội nguồn tiếng Việt có giao tiếp bằng tiếng Việt với gia đình (mức độ cao) và cộng đồng người Việt (mức độ tương đối). Kỹ năng ngôn ngữ trong lớp học được họ tự đánh giá cao là nghe và nói)

c) Có nhận thức nghiêm túc về ngôn ngữ cội nguồn của họ (Theo kết quả bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp cho thấy 100% số sinh viên cội nguồn tiếng Việt cho rằng biết ngôn ngữ cội nguồn và duy trì ngôn ngữ cội nguồn là quan trọng đối với họ)

3.2. Quyền lực của sinh viên cội nguồn tiếng Việt qua giao tiếp bằng lời tại lớp học

Qua quan sát và so sánh các nhóm sinh viên (cội nguồn và phi cội nguồn) trong lớp học chúng tôi thấy sự thể hiện quyền lực trong giao tiếp sư phạm của họ được thể hiện rõ trên các phương diện của diễn ngôn như sau:

- *Quyền lực thể hiện qua năng lực ngôn ngữ*

Như đã đề cập ở trên việc có liên hệ nhất định với ngôn ngữ cội nguồn cũng là một thuận lợi giúp các sinh viên này cơ hội thể hiện được quyền lực (chuyên nghiệp) của mình trong lớp học (đặc biệt khi so sánh với nhóm sinh viên phi cội nguồn). Trong khi nói hay trả lời giáo viên, các sinh viên cội nguồn tiếng Việt thường có xu hướng lựa chọn độ dài của diễn ngôn và độ khó của ngôn từ cao hơn như một sự khẳng định về năng lực, qua đó thể hiện quyền lực của

mình thay vì tìm cách dễ hoá, ngán hoá như sinh viên phi cộng nguồn.

Họ thường dùng từ hay lối nói gần với bản ngữ hơn, mang phong cách khẩu ngữ rõ rệt (VD: dùng các tiểu từ tình thái), sử dụng các cấu trúc ngữ pháp hay yếu tố ngữ pháp phức tạp một cách chủ động, hạn chế việc chuyển mã (cố gắng nói bằng tiếng Việt trong mọi trường hợp)... Với sự lựa chọn như vậy họ thường nhận được sự đánh giá cao hơn của người dạy một cách công khai (khen hoặc xác nhận về tính đúng đắn trong những điều họ đưa ra). Điều này không chính thức nhưng cũng tạo nên/khẳng định một định kiến trong lớp học là những sinh viên cộng nguồn có khả năng và lợi thế hơn nhóm sinh viên còn lại.

- Quyền lực thể hiện qua thái độ giao tiếp

Quan niệm truyền thống trong dạy học thường cho rằng thầy là người nắm vai trò chủ động do có quyền lực về thông tin. Điều này đã thay đổi mà sự thể hiện thông qua thái độ giao tiếp là một minh chứng.

Do có khả năng ngôn ngữ, ý thức về quyền lực trong lớp tiếng Việt các sinh viên cộng nguồn luôn thể hiện thái độ chủ động của mình một cách trực tiếp với giáo viên và nhóm sinh viên khác qua các hành động ứng xử bằng lời được sử dụng với tần số cao như:

- + Hỏi giáo viên
- + Xung phong trả lời
- + Yêu cầu giải đáp từ giáo viên
- + Đánh giá thông tin do giáo viên cung cấp
- + Phán bác
- + Lựa chọn thông tin cho cá nhân một cách chủ động
- + Từ chối
- + Giải thích cho nhóm sinh viên khác trong lớp
- + Biện hộ

Một biểu hiện khác về thái độ của sinh viên cộng nguồn trong quá trình học trên lớp là sự thiếu kiên nhẫn. Quyền lực của họ ở đây thể hiện qua sự nôn nóng tìm cách thể hiện hay áp

đặt những hiểu biết của mình (nhất là với những chủ đề mà họ có kiến thức hay quan tâm) với giáo viên và nhóm sinh viên còn lại. Thậm chí họ chủ động hướng mọi người trong lớp theo những chủ đề quan tâm của họ như một sự khẳng định về năng lực. Họ cũng gây cảm giác tự tin là họ có quyền có tiếng nói trong lớp (quyền lực chính đáng). Sự thể hiện này khá khác với nhóm sinh viên phi cộng nguồn và cũng là lí do đôi khi gây khoảng cách nhất định trong giao tiếp.

- Quyền lực thể hiện qua chiến lược giao tiếp

** Thời gian và tần số:*

Trong lớp học tiếng, diễn ngôn trên phương thức tồn tại thường thuộc thể loại nói và mang tính hội thoại (đa thoại) do đó thời gian và tần số xuất hiện của chủ thể phát ngôn (tham thoại) trong giao tiếp bằng lời cũng là yếu tố thể hiện quyền lực. Với trường hợp sinh viên cộng nguồn tại lớp tiếng Việt chúng tôi ghi nhận có sự khác biệt rõ rệt về thời gian và tần số tham gia hội thoại giữa 2 nhóm sinh viên, giáo viên.

Điều này có thể nhận ra rõ nhất ở những phần học mang tính tự do, không bị áp đặt lượt lời của giáo viên mà bài tập thảo luận là một điển hình. Đây là dạng bài tập tương đối phổ biến được áp dụng trong dạy tiếng như là phương thức giúp người học nâng cao tri thức và kĩ năng ngôn ngữ một cách chủ động. Trong lớp tiếng Việt tại đây phần lớn thời gian thảo luận thuộc về sinh viên cộng nguồn “chiếm sóng” (Tư liệu: Lớp tiếng Việt B2: 19,5 phút của sinh viên cộng nguồn/ 26 phút thảo luận theo chủ đề sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn). Sự xuất hiện của họ cũng dày đặc hơn trong các lượt lời. Không khó lí giải hiện tượng này vì đối với sinh viên cộng nguồn, bên cạnh việc nhận ra quyền lợi của mình thì nghe - nói là kĩ năng lợi thế của họ (theo kết quả của bảng hỏi thì 100% sinh viên cộng nguồn chọn nghe và nói là kĩ năng mà họ có mức độ cao hơn). Mặt khác thể loại và tính chất diễn ngôn trong lớp học đã cho phép họ sử dụng lợi thế của mình như một sự thể hiện về quyền lực.

* Vận dụng các chiến lược cụ thể:

Trước đây tuân thủ và thuyết phục là những chiến lược phổ biến và hữu dụng của người học gắn với quan niệm cho rằng không có sự cân bằng về quyền lực trong lớp học. Cùng với sự thay đổi nhận thức theo thời gian, một cơ chế giao tiếp mới đã được thiết lập trong quá trình dạy học dựa trên cơ sở của sự hợp tác. Điều này đã có những tác động nhất định đến việc thể hiện quyền lực của người học qua chiến lược giao tiếp.

Trong lớp tiếng Việt các sinh viên cội nguồn thường áp dụng khá uyển chuyển các chiến lược giao tiếp khác nhau như tuân thủ, thuyết phục (bị động)... đồng thời sử dụng chiến lược giao tiếp mang tính chủ động như xây dựng tình cảm thân hữu dựa trên năng lực ngôn ngữ và thói quen văn hoá cội nguồn (ở đây là tính thích chuyện trò, quan tâm của người Việt). Trước đây, chiến lược này chỉ thường được các giáo viên dùng như một biện pháp sư phạm nhằm đạt được thuận lợi trong giao tiếp với người học qua việc gọi không khí cởi mở, thân thiện. Hiện nay, do có nhận thức rõ ràng về quyền lực của mình nên người học đã chủ động sử dụng chiến lược xây dựng tình cảm thân hữu như một cách để thu hẹp khoảng cách với giáo viên, qua đó có thể nâng cao hình ảnh, vị thế của bản thân. Để thực hiện chiến lược này các sinh viên cội nguồn tiếng Việt thường chọn cách xưng hô chung chung như là bỏ đại từ nhân xưng hoặc dùng đại từ nhân xưng “mình” trong các diễn giải hoặc khi đặt câu hỏi. Họ cũng thường chủ động hỏi han giáo viên những đề tài ngoài bài học hoặc ngoài lớp học, chủ động cung cấp/hướng dẫn thông tin hoặc kiến thức mà giáo viên quan tâm, kể về bản thân...

Một chiến lược giao tiếp khác được sinh viên cội nguồn trong lớp tiếng Việt sử dụng rất linh hoạt là rút lui (Opting out). Chiến lược này thể hiện mức độ điều tiết quyền lực một cách khôn khéo và chủ động của họ trong lớp; thường được đánh dấu bằng khoảng trống trong giao tiếp là sự im lặng. Qua các quan sát cụ thể chúng tôi thấy sinh viên cội nguồn tiếng Việt sử

dụng sự im lặng như một thông điệp nhằm tới các mục đích giao tiếp khác nhau:

a) Để bảo vệ thể diện của mình trong giao tiếp, hướng đến sự an toàn (như khi họ không muốn phải chịu trách nhiệm rõ ràng về phát ngôn, muốn kịp thời điều chỉnh phát ngôn hay tìm cách diễn đạt cho phù hợp...),

b) Để nâng cao quan hệ, khi không vi phạm nguyên tắc hợp tác trong hội thoại (lịch sự nhường không gian cho người khác trong các lượt lời của sự tương tác đa thoại),

c) Để khẳng định mình (từ chối tham gia hoặc không tán thành nội dung, chủ đề đang được nhắc đến mà họ không có hứng thú).

Sự thể hiện này của sinh viên cội nguồn khác với nhóm sinh viên phi cội nguồn. Sự im lặng của nhóm phi cội nguồn thường là biểu hiện bị động do giới hạn về năng lực ngôn ngữ (không hiểu nên không tham gia được).

4. Bàn luận

Sinh viên cội nguồn trong các lớp học tiếng là một thực tế sinh động của việc dạy ngôn ngữ hiện nay cũng như dạy tiếng Việt. Họ với sự thể hiện quyền lực của mình trong giao tiếp đã đặt ra những câu hỏi không chỉ về sự tương tác thầy - trò đơn thuần mà phức tạp hơn về quy mô cũng như tính chất.

1. Ý niệm về việc chia sẻ quyền lực:

Trong quan niệm chung, chúng ta thường có *án tượng* tiêu cực về khái niệm quyền lực dù trên thực tế quyền lực tồn tại một cách khách quan như là nguyên tắc tự nhiên của mọi liên hệ. Chúng ta cần có nhận thức đúng về quyền lực, trên cơ sở đó vận dụng nó một cách hợp lý sẽ góp phần tăng cường chất lượng và hiệu quả giao tiếp.

Trong giáo dục hiện đại, người thầy không còn ở vị trí độc tôn về quyền lực trong lớp học khi ở đây người học có cơ sở để khẳng định quyền lực của mình như nhận thức, năng lực ngôn ngữ, bối cảnh tương tác, sự công nhận của xã hội... Sự dân chủ trong dạy học được thực thi

khi người thầy chấp nhận chuyển từ vai trò chủ động, nắm định hướng tương tác sang vai trò đồng trí tuệ (interlectual assent) với người học. Người dạy, (nhất là những giáo viên đã quen thuộc với tư duy và phương pháp sư phạm cũ) cần có những nhận thức rõ ràng về vấn đề này, trên cơ sở đó có những điều chỉnh cần thiết và phải vượt qua những định kiến về việc sử dụng quyền lực của mình trong lớp như:

a) Người dạy nên chấp nhận sự chia sẻ quyền lực với người học một cách tự nhiên, không coi đó là một sự đe dọa về thể diện.

b) Vận dụng linh hoạt các loại quyền lực. Tăng cường sử dụng quyền lực tương tác (năng lực, sự tôn trọng...) thay vì lạm dụng quyền lực khống chế (bắt buộc, hợp pháp...).

2. Sự công bằng trong tương tác và văn hoá sư phạm:

Đặc thù của lớp học ngôn ngữ có sự xuất hiện của sinh viên cội nguồn là thêm sự đa chiều trong tương tác và sự chia sẻ về quyền lợi. Thay vì mối quan hệ giáo viên - người học đã có tính điển mẫu thì ở đây là một tam phân: sinh viên cội nguồn-giáo viên-sinh viên phi cội nguồn. Đây cũng là một thách thức cho người dạy. Do khác nhau về bản sắc nên sự tương tác giữa các nhóm này đặt ra vấn đề công bằng trong quyền lợi và sự chi phối của nó đến (dù không hoàn toàn) chất lượng giao tiếp trong lớp học.

Trên phương diện tự nhiên cũng như định kiến, lợi thế giao tiếp thường thuộc về những sinh viên cội nguồn và như vậy sẽ tạo ra khoảng trống nhất định trong giao tiếp với nhóm sinh viên còn lại cũng như giáo viên. Trong lớp học, nhóm sinh viên cội nguồn thường có xu hướng thể hiện (chứ không lạm dụng) quyền lực giao tiếp của mình dù theo cách có chủ ý hay vô tình. Điều này đưa đến một thực tế là nhóm sinh viên phi cội nguồn có cảm giác mình bị đe dọa về quyền lợi và thể diện nên sẽ phản ứng theo các cách khác nhau như: tích cực (cố gắng để xoá khoảng cách) hoặc tiêu cực (chấp nhận hoặc phụ thuộc vào nhóm sinh viên cội nguồn hoặc giáo viên). Tuy nhiên dù phản ứng theo

cách nào thì quyền lợi của họ cũng ít, nhiều phải chịu sự ảnh hưởng của nhóm sinh viên cội nguồn.

3. Vấn đề quyền lực với vai trò của giáo viên và phương pháp giảng dạy:

Trong lớp học có sinh viên cội nguồn, do có sự chia sẻ về quyền lực cũng như sự phức tạp trong tương tác giữa các nhóm sinh viên tại cùng một không gian, vào cùng một thời điểm nên vai trò của người dạy trong trường hợp này rất quan trọng. Ở đây người dạy vừa phải đảm nhận trách nhiệm đúng mức của một người thiết kế, tư vấn, đồng tương tác với người học đồng thời lại phải giữ vai trò điều phối về kiến thức, quyền lợi và quan hệ quyền lực giữa mình với các nhóm sinh viên có bản sắc khác nhau. Để tiếp cận tốt nhất và tránh mâu thuẫn với người học trong trường hợp này thì yêu cầu đặt ra với người dạy là sự đồng nhận của người dạy với người học, mức độ kiến thức (sâu, rộng) của người dạy và mong muốn chia sẻ để từ đó tạo ra sự hợp tác giữa các bên.

Mặt khác, sự thay đổi trong nhận thức và thể hiện quyền lực của người học, nét đa dạng của họ sẽ có tác động nhất định lên thái độ của người dạy qua đó chi phối sâu sắc đến việc tạo diễn ngôn cũng như phương pháp giảng dạy, thiết kế bài học. Người dạy để vừa đảm bảo được vai trò phức tạp cũng như bảo vệ được thể diện của mình phải có những cân nhắc trong tương tác bằng lời với người học như sự lựa chọn ngôn từ, các hành vi giao tiếp hay chiến lược giao tiếp phù hợp...

Tài liệu tham khảo

- [1] David W. Jamieson and Kenneth W. Thomas, "Power and Conflict in the Student-Teacher Relationship", *Journal of Applied Behavioral Science*, 10 (1974) 321.
- [2] Frenth. J. R.P., Jr. and Raven. B, *The bases for social power*. In D. Cartwright (Ed.), *Studies in' Jcllll power*. Ann Arbor. Michigan: University of Michigan Press, 1968.
- [3] Golish, Tamara D;Olson, Loreen N, "*Students' use of power in the classroom: An investigation of student power, teacher power, and teacher immediacy*",

- Communication Quarterly; Summer 2000; 48, 3; ProQuest Central, 2002.
- [4] Guy Cook, 1998, *Discourse*, Oxford University Press.
- [5] Hurt, H. T., Scott, M. D., & McCroskey, J. C., *Communication in the classroom*. Reading, MA: Addison-Wesley, 1978.
- [6] James C. McCroskey and Virginia P. Richmond, 1983, "Power in the Classroom (Teacher and student perceptions)", *Communication Education*, Volume32, April 1983, pp.175-183
- [7] Nunan, D, *The Learner-Centered Curriculum*. Cambridge: Cambridge University Press, 1988.
- [8] Ron Miller, "What is democratic education ?", 2007, http://www.pathsoflearning.net/articles_What_Is_Democratic_Education.pdf
- [9] I. Tudor, *Learner-Centeredness in Language Education*. Cambridge: Cambridge University Press, 1996.

Discourse and power of heritage students in Vietnamese classes (A case study of students at ANU)

Thai Duy Bao¹, Dinh Kieu Chau²

¹ *The Southeast Asia Centre, Australian National University (Canberra)*

² *Department of Linguistics, University of Social Sciences and Humanities, VNU*

This work studies issues which belong to language teaching in Applied Linguistics. By doing research on classes of Vietnamese at ANU, we would like to mention to pedagogic discourse and power of heritage students. The study shows the approach of teaching foreign languages and second languages has changed from teacher - centered instruction to learner -centered approach. This modern approach focuses on purposes, demands and language acquisition of learners. The relationship between instructor and learners is more active and flexible.

This study includes contents as followings:

1. Back ground
2. The case study including description and analysing
3. Discussions and Findings